

Bản án số: 69/2022/HC-PT

Ngày 18 - 01 - 2022

V/v: *Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú
Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 39/2021/TLPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 523/2021/QĐPT-HC ngày 22 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Mai Văn P, sinh năm 1956 (có mặt). Nơi cư trú: Thôn T, xã Bo, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Văn C – Chức vụ: Phó Chủ tịch (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1956 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng cư trú: Số 1005, tổ X, thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Trần N, sinh năm 1938 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

4. Ông Lê Hữu P, sinh năm 1931 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

5. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1964.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị S: Ông Mai Văn P (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Mai Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Mai Văn P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S thống nhất trình bày:

Khoảng năm 1991 vợ chồng ông có nhận sang nhượng lại của gia đình ông Trần N, sinh năm 1938; trú tại: Thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước một diện tích đất khoảng 01 sào, đất tọa lại tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước, đất chưa được cấp Giấy CN QSDĐ; Quá trình quản lý sử dụng ông được ông K, bà M đồng ý tặng cho vợ chồng ông phần diện tích đất phía sau thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Trần N, vì ông có công phát cỏ dại (không rõ diện tích và có thỏa thuận khi nào cần thì vợ chồng ông sẽ làm không công (không lấy tiền) cho ông K, bà M. Gia đình ông đã trồng cây lâu năm, xây dựng nhà ở trên diện tích đất này. Quá trình sinh sống thì vợ chồng ông có sang nhượng như sau:

- Năm 1993 – 1994 vợ chồng ông thỏa thuận sang nhượng lại cho bà Mai Thị H một phần diện tích đất có chiều ngang mặt đường ĐT741 là 05m, dài 07m. Bà Mai Thị H đã cất 01 căn nhà gỗ trên toàn bộ diện tích đất này để mua bán phế liệu. Việc sang nhượng thì hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng. Vị trí đất như sau: Hướng Đông giáp đất vợ chồng ông là 07m; hướng Tây giáp thửa đất số 51 là 07m; hướng Bắc giáp đường ĐT741 là 05m; hướng Nam giáp thửa đất vợ chồng ông là 05m. Sau đó bà Mai Thị H sang nhượng lại căn nhà gỗ và diện tích đất trên cho ông Lê Hữu P để làm trại hòm. Sau này ông Lê Hữu P sang nhượng lại cho ai thì vợ chồng ông không biết.

- Năm 1995 – 1996 vợ chồng ông thỏa thuận sang nhượng lại cho anh T; trú tại: Xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước một phần đất có chiều ngang giáp đường ĐT741 là 06m, dài 20m. Việc sang nhượng này hai bên thỏa thuận bằng miệng. Sau đó anh T tiếp tục sang nhượng lại cho người khác, hiện nay đất đã tách thửa 46 theo bản đồ địa chính.

- Cũng trong năm 1996 vợ chồng ông có thỏa thuận sang nhượng cho bà Lê Thị T ở Bình Dương một phần đất có chiều ngang giáp đường ĐT741 là 06m, dài 20m. Việc sang nhượng này hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng. Sau đó bà Lê Thị T lại sang nhượng cho người khác, đất hiện đã tách thửa 45 theo bản đồ địa chính.

Đến năm 2004 thì đất được đo đạc và cấp Giấy CN QSDĐ đứng tên ông Trần N. Đến năm 2011 thì tách thửa đứng tên vợ chồng ông đối với thửa đất số 50; tờ bản đồ số 11; có diện tích 2516m² vào sổ số CH00520/CN.CLý ngày 06/10/2011 do UBND huyện Bù Gia Mập (nay là huyện P) cấp.

Ngày 17/10/2019 thì gia đình ông nhận được Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện P về việc thu hồi Giấy CN QSDĐ đã cấp cho gia

đình ông với lý do: Giấy CN QSDĐ đã cấp cho gia đình ông trùng với Giấy CN QSDĐ đã cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn V. Gia đình ông đã làm đơn khiếu nại Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 gửi đến UBND huyện P. Ngày 19/02/2020 gia đình ông nhận được Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của UBND huyện P về việc giải quyết đơn khiếu nại trên với nội dung bác toàn bộ yêu cầu khiếu nại của gia đình ông.

Đối với nguồn gốc đất và việc cấp Giấy CN QSDĐ cho gia đình ông của UBND huyện Bù Gia Mập (cũ) nay là UBND huyện P là đúng với trình tự, thủ tục của Luật đất đai. Trong quá trình sử dụng đất gia đình ông đã chuyển nhượng lại cho 03 người, trong đó đã tách thửa đối với thửa 45 và 46. Đối với diện tích đất đã sang nhượng lại cho bà Mai Thị H chỉ thỏa thuận bằng miệng, không làm văn bản giấy tờ. Hiện tại ông cũng không cung cấp được thông tin cụ thể về địa chỉ nơi cư trú của bà Mai Thị H. Theo ông Mai Văn P thì vị trí đất ông chuyển nhượng cho bà Mai Thị H có tứ cận: Hướng Đông giáp đất gia đình ông có chiều dài 07m; phía Tây giáp với thửa đất số 51 có chiều dài 07m; phía Bắc giáp với đường ĐT741 chiều ngang 05m; phía Nam giáp với đất gia đình ông chiều ngang 05m. Bà Mai Thị H đã xây dựng 01 căn nhà gỗ trên đất, sau đó bà Mai Thị H sang nhượng lại cho người khác.

Ông Mai Văn P cho rằng UBND huyện Phước Long (cũ) nay là UBND huyện P và UBND xã Bù Nho đo đạc diện tích lên đến 59,5m² để cấp Giấy CN QSDĐ cho ông Lê Hữu P là còn thiếu sót, tiến hành đo đạc sai vị trí, lấn chiếm sang phần đất của gia đình ông, thể hiện không đúng hiện trạng đất của gia đình ông và đất của ông Lê Hữu P. Do vậy, đến thời điểm ông Lê Hữu P tiếp tục sang nhượng lại cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị H cũng không đúng với hiện trạng tại thực địa đất của gia đình ông.

Nay ông Mai Văn P yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên hủy:

1. Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện P về việc thu hồi Giấy CN QSDĐ đã cấp cho gia đình ông.
2. Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của UBND huyện P về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của gia đình ông.
3. Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện P về việc Hủy Giấy CN QSDĐ số CH00520/CN-CLý đã cấp cho gia đình ông.

Người bị kiện UBND huyện P và ông Lê Anh N – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước trình bày:

UBND huyện P nhận được đơn khiếu nại đề ngày 25/10/2019 của ông Mai Văn P về việc khiếu nại đối với Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện P. Ngày 28/11/2019 UBND huyện P đã thụ lý đơn và giao cho các phòng, ban chuyên môn tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của ông Mai Văn P. Đến ngày 13/02/2020 UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của hộ ông Mai Văn P. Nội dung quyết định: Không công nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của ông Mai Văn P, bà Phạm Thị S.

Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện P được thực hiện theo đúng quy định

của Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ. Còn về nội dung: việc UBND huyện P ban hành Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 về việc thu hồi Giấy CN QSDĐ số CH00520/CN-CLý do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 06/10/2011 cho ông Mai Văn P, bà Phạm Thị S do cấp trùng với Giấy CN QSDĐ số BN725/SN ngày 23/7/2002 của UBND huyện Phước Long (cũ) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn V là đúng quy định.

Đối với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Mai Văn P thì UBND huyện P không đồng ý, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn V bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2002 gia đình ông bà có nhận sang nhượng của ông Lê Hữu P một thửa đất có bề ngang là 07m, dài 8,5m. Hai bên có làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại UBND xã Bù Nho và gia đình ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H đã được cấp Giấy CN QSDĐ số BN725/SN ngày 23/7/2002. Khi nhận sang nhượng thì trên đất có 01 nhà gỗ, mái tôn. Khi nhận chuyển nhượng xong thì gia đình ông bà chưa sử dụng đến. Đến năm 2017 gia đình ông phát hiện ông Mai Văn P sử dụng trái phép phần đất này, sau đó gia đình ông có nhờ Công an xã Bù Nho, Công an huyện Phú Riềng giải quyết. Gia đình ông cũng đã làm đơn tố cáo ông Mai Văn P đến Công an huyện Phú Riềng và Công an huyện Phú Riềng cũng đã có văn bản trả lời. Sau đó, gia đình bà khiếu nại đến UBND huyện P và UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 về việc thu hồi Giấy CN QSDĐ đã cấp cho gia đình ông Mai Văn P.

Nay ông Mai Văn P khởi kiện UBND huyện P, Chủ tịch UBND huyện P. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước hủy Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện P. Hủy Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của UBND huyện P. Hủy Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện P thì gia đình ông, bà không đồng ý. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bác đơn khởi kiện, giữ nguyên những Quyết định trên.

- Ông Trần N trình bày: Nguồn gốc của toàn bộ phần đất mà hiện nay ông Mai Văn P được cấp Giấy CN QSDĐ là do ông Trần N nhận chuyển nhượng của ông Việt, ông không nhớ rõ họ tên, năm sinh và địa chỉ. Sau khi mua thì đến năm 2004 ông được UBND huyện Phước Long (cũ) nay là UBND huyện P cấp Giấy CN QSDĐ số 1725/ĐS.QSDĐ/UBND ngày 29/11/2004. Sau đó ông đã chuyển nhượng lại cho ông Mai Văn P toàn bộ diện tích đất như Giấy CN QSDĐ số 1725/ĐS.QSDĐ/UBND ngày 29/11/2004 đã thể hiện. Còn sau này ông Mai Văn P sử dụng như thế nào, chuyển nhượng cho ai thì ông không biết. Nay ông Mai Văn P khởi kiện UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P thì ông Trần N không có ý kiến và không có yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Hữu P trình bày:

Vào khoảng năm 1997 ông Lê Hữu P có nhận chuyển nhượng lại từ bà Mai

Thị H một phần đất có diện tích ngang 07m, dài 8,5m đất tọa lạc tại thôn Tân Lục, xã Bù Nho, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện P. Khi sang nhượng thì có lập giấy viết tay với nhau, đến năm 1997 thì ông được UBND huyện Phước Long (cũ) nay là huyện P cấp Giấy CN QSDĐ số BN300QSDĐ ngày 15/12/1997. Khi nhận đất để sử dụng thì vị trí thửa đất ông nhận sang nhượng cách căn nhà ông Mai Văn P đang ở hiện nay khoảng 01m ngang mặt tiền đường ĐT741. Khi nhận sang nhượng trên đất có một căn nhà tạm do bà Mai Thị H đã dựng lên để mua bán phế liệu. Căn nhà có bề ngang 4m, sâu khoảng 5 – 6m, mái lợp tôn, nền xi măng. Khi nhận chuyển nhượng ông Lê Hữu P vẫn sử dụng căn nhà đó để làm trại hòm, trong thời gian sử dụng thì ông Lê Hữu P có tôn tạo lại vách ngăn xung quanh bằng ván gỗ. Sử dụng được khoảng 01 năm ông đã chuyển nhượng lại phần đất trên cho ông Nguyễn Văn V. Khi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn V ông có chỉ ranh giới và có nhờ cán bộ địa chính xã Bù Nho tiến hành đo và cắm mốc và làm hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ. Từ khi chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn V đến nay ông không còn liên quan gì đến phần đất này nữa vì ông đã giao đất cho ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn V đã thanh toán tiền đầy đủ. Nay ông Mai Văn P khởi kiện UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P thì ông không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

Tại Bản án số 21/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Điều 105, 106 Luật Đất đai năm 2013. Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 18, 27, 28, 29, 30 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn P về việc hủy các Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện P về việc Thu hồi Giấy CN QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với hộ ông Mai Văn P, bà Phạm Thị S. Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 UBND huyện P về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của hộ ông Mai Văn P. Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 về việc hủy Giấy CN QSDĐ của hộ ông Mai Văn P, bà Phạm Thị S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Ngày 09/10/2020 ông Mai Văn P có đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước với nội dung: Yêu cầu phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo ông Mai Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về tính hợp pháp và tính có căn cứ của các Quyết định bị khởi kiện Quyết định số 2920/QĐ-UBND, Quyết định số 162/QĐ-UBND và Quyết định số 1188/QĐ-UBND của UBND huyện P, tỉnh Bình Phước, thấy rằng:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện đều phù hợp với quy định pháp luật.

[2]. Xét lý do yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Mai Văn P, thấy rằng:

Phần đất ông Nguyễn Văn V được cấp Giấy CNQSDĐ với diện tích 59,5m², ông Mai Văn P cho rằng không đúng với thực tế, vì đã chồng lấn lên phần đất của gia đình ông; Nguồn gốc phần đất này trước đây Ông chuyển nhượng cho bà Mai Thị H diện tích là 05m x 07m (khoảng 35m²), sau đó bà Mai Thị H chuyển nhượng lại cho ông Lê Hữu P, rồi ông Lê Hữu P chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn V nhưng diện tích nhiều hơn là không phù hợp.

Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ tại hồ sơ, Báo cáo thanh tra của cơ quan có thẩm quyền đã chứng minh phần đất đang tranh chấp ông Nguyễn Văn V nhận chuyển nhượng từ ông Lê Hữu P và ông Lê Hữu P nhận chuyển nhượng từ ông Trần N với diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn là 59,5m². Việc ông Mai Văn P khai trước đây Ông chuyển nhượng cho bà Mai Thị H diện tích đất 05m x 07m (khoảng 35m²), nhưng không có giấy tờ, tài liệu để chứng minh, chỉ là lời khai. Tòa sơ thẩm cũng đã tiến hành xác minh đối với bà Mai Thị H. Tuy nhiên, theo xác nhận của chính quyền địa phương thì trên địa bàn thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng không có ai tên là Mai Thị H, sinh năm: 1973 như thông tin ông Mai Văn P đã cung cấp.

Mặt khác sau khi ông Nguyễn Văn V được cấp Giấy CN QSDĐ số BN 725/SN đối với diện tích đất 59,5m² từ năm 2011 cho đến thời điểm UBND huyện P thu hồi Giấy CN QSDĐ của ông Mai Văn P thì ông Mai Văn P cũng không có ý kiến, hay khiếu nại gì đối với diện tích đất mà ông Nguyễn Văn V đã được cấp. Vì vậy, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn P về việc hủy các Quyết định số 2920/QĐ-UBND, Quyết định số 162/QĐ-UBND và Quyết định số 1188/QĐ-UBND của UBND huyện P, tỉnh Bình Phước là có căn cứ. Nên quan điểm của Viện kiểm sát cấp cao tại phiên tòa đề nghị bác kháng cáo của ông Mai Văn P là phù hợp.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Mai Văn P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ông Mai Văn P là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[4]. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Bộ luật tố tụng hành chính; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Mai Văn P.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tuyên xử:

Không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn P về việc hủy các Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện P về việc Thu hồi Giấy CN QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với hộ ông Mai Văn P, bà Phạm Thị S. Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 UBND huyện P về việc giải quyết nội dung đơn khiếu nại của hộ ông Mai Văn P. Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 về việc hủy Giấy CN QSDĐ của hộ ông Mai Văn P, bà Phạm Thị S

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Mai Văn P được miễn án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Mai Văn P 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 015356 ngày 12/10/2020 ông Mai Văn P tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết